

**BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai thực hiện các chính sách  
đối với cán bộ người dân tộc thiểu số**

Thực hiện Công văn số 303/UBND-TCCB ngày 29/3/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

**A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG  
DÂN TỘC THIỂU SỐ, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC  
THIỂU SỐ**

Tây Ninh là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, có đường biên giới dài hơn 240 km, diện tích đất tự nhiên là 4.041,25 km<sup>2</sup>, gồm 08 huyện và 01 thành phố với dân số khoảng hơn 1,1 triệu người; hơn 69% dân số có tín ngưỡng, tôn giáo. Trên địa bàn tỉnh có 23 dân tộc anh em, trong đó có 22 dân tộc thiểu số với hơn 4.346 hộ và 18.261 nhân khẩu, chiếm 1,69 % dân số toàn tỉnh, sinh sống tập trung chủ yếu ở các huyện biên giới (Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành), một số ít trong nội địa (Hoà Thành, Trảng Bàng, thành phố Tây Ninh); nhiều nhất là dân tộc Khmer (khoảng 2.097 hộ/8.056 khẩu, chiếm 0,7%), dân tộc Chăm (khoảng 844 hộ/3.798 khẩu, chiếm 0,35%), dân tộc Hoa (khoảng 773 hộ/3.585 khẩu, chiếm 0,36%), nhóm người Tà Mun (khoảng 370 hộ/1.612 khẩu, chiếm 0,15%), các dân tộc còn lại chiếm số lượng ít. Các dân tộc Khmer, Chăm, nhóm người Tà Mun và người Hoa đã định cư lâu đời, các dân tộc thiểu số còn lại là di dân tự do từ các tỉnh phía Bắc vào Tây Ninh lập nghiệp.

Các dân tộc sống gần bó, đoàn kết không có sự phân biệt đối xử, đa số sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Mỗi dân tộc đều có truyền thống văn hoá riêng, tạo nên bản sắc đặc trưng của từng dân tộc.

Đồng bào người Kinh sống tập trung ở các phường, xã, thị trấn của các huyện, thành phố trong tỉnh. Đồng bào Khmer và Tà mun sống xen kẽ với đồng bào người Kinh, người Khmer theo Phật giáo Nam tông, một số ít theo Đạo Cao Đài, người Tà Mun hầu hết theo đạo Cao Đài. Người Hoa cư trú rải rác ở khắp các địa phương trong tỉnh, nhưng tập trung đông nhất là ở thành phố Tây Ninh, Thị trấn Gò Dầu, Trảng Bàng và Hoà Thành. Hoạt động kinh tế của người Hoa chủ yếu là kinh doanh, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đồng bào người Chăm sinh sống chủ yếu ở Phường I thuộc thành phố Tây Ninh, xã Tân Hưng, Suối Dây thuộc huyện Tân Châu. Tôn giáo của người Chăm là Hồi giáo (Islam).

Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Ninh vốn có truyền thống gần bó lâu đời, sống gần gũi, chan hòa và có quan hệ giao lưu văn hóa mật thiết với đồng bào Kinh và giữa các cụm dân cư dân tộc thiểu số. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và trong chiến tranh biên giới Tây Nam, đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhiều đóng góp về sức người, sức của. Trong hòa bình, các dân tộc thiểu số tiếp

tục hưởng ứng, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bằng phong trào thi đua, tích cực lao động, sản xuất, ổn định cuộc sống, góp phần đưa nền kinh tế tỉnh nhà phát triển lên một bước mới.

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cả tỉnh là 21.178 người (tính đến tháng 12/2018), trong đó tổng số công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh là 189 người (trong đó: cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và xã là 15 người, viên chức là 176 người), chiếm tỷ lệ 0,89%. Trong tổng số 15 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số có 11 trường hợp có trình độ đại học, 01 trường hợp trình độ cao đẳng, 02 trường hợp trình độ trung cấp và 01 trường hợp trình độ sơ cấp. Về trình độ lý luận chính trị: 01 trường hợp cao cấp chính trị, 09 trường hợp trung cấp chính trị. Còn lại 05 trường hợp sơ cấp chính trị.

Toàn tỉnh có 115 Đảng viên là người dân tộc thiểu số, 100% ấp, khu phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số đều có chi bộ đảng; có 365 người dân tộc thiểu số tham gia Mặt trận Tổ quốc các cấp, phát triển được 2.215 hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ, 2.355 hội viên Hội Nông dân, 1.354 đoàn viên thanh niên, 18 hội viên Hội Chữ Thập đỏ và 31 hội viên Hội Cựu chiến binh.

Có 09 người/5.273 người dân tộc thiểu số tham gia lớp đào tạo trung cấp nghề, chiếm 0,17%. Đào tạo nghề dưới 3 tháng (Đào tạo nghề cho lao động nông thôn): người dân tộc thiểu số tham gia học nghề 326 người/12.844 người, chiếm 2,53%. Thanh niên là người dân tộc thiểu số đến tuổi lao động được học nghề là 335 người/641.832 người, đạt 0,05%.

## **B. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ (TÍNH TỪ THỜI ĐIỂM 01/01/2015 ĐẾN NAY)**

### **I. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

#### **1. Tình hình triển khai các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

- Thực hiện Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh. Theo Quyết định số 260/QĐ-UBND, cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thì sẽ được hỗ trợ chi phí đi thực tế, hỗ trợ tiền ăn cho ngày thực học theo định mức...

- Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức,

viên chức giai đoạn 2018 – 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh triển khai các văn bản này đến các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố để thực hiện. Theo đó, tỉnh Tây Ninh là tỉnh giáp Vương quốc Campuchia, do đó từ năm 2015 đến năm 2018, tỉnh đã mở 04 lớp đào tạo tiếng dân tộc Khmer cho 256 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh tham gia để hiểu biết thêm về tiếng dân tộc người Khmer, phục vụ bà con ở vùng dân tộc thiểu số.

## **2. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số**

Do số lượng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số của tỉnh ít, từ năm 2015 đến năm 2018, UBND tỉnh không ban hành chính sách đào tạo, bồi dưỡng riêng cho cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số và không tổ chức riêng các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Hằng năm, theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia chung với các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức.

Về số lượng cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng: Lý luận chính trị: 01 trường hợp cao cấp, 06 trường hợp trung cấp; Chuyên môn, nghiệp vụ: không có; Theo tiêu chuẩn chức danh: không có; Theo ngạch công chức: chuyên viên: 11 trường hợp, Chuyên viên chính: 01 trường hợp.

## **3. Kết quả đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số**

Trong tổng số 15 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, có 11 trường hợp được tuyển dụng vào công chức ở trình độ đại học. Từ năm 2015 đến năm 2018, tỉnh không đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, do cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số không có nhu cầu và không có khả năng tham gia học.

## **4. Khó khăn, vướng mắc**

Vẫn còn một số ít cơ quan chưa quan tâm đến việc cử cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ và nâng cao trình độ lý luận chính trị.

## **5. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị Trung ương xem xét, bổ sung thêm các quy định chính sách ưu tiên cử cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng so với cán bộ, công chức không là người dân tộc thiểu số.

## **II. Chính sách tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

### **1. Tình hình triển khai Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh tuyên truyền, phổ biến Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 đến cán bộ, công chức, viên chức với các hình thức như: Tổ chức 02 hội nghị tập huấn Luật cho

hơn 500 lượt người là lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tổ chức nhân sự tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Ngoài việc tập huấn tại các hội nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tự tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hệ thống mạng nội bộ, eOffice để cán bộ, công chức, viên chức trong từng đơn vị biết và áp dụng thi hành đúng pháp luật.

Thông qua đó, cán bộ, công chức, viên chức hiểu rõ hơn về hoạt động công vụ của mình và các nguyên tắc trong thi hành công vụ, mọi hoạt động công vụ do cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đều hướng tới phục vụ nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân, bảo đảm tuân thủ pháp luật.

## **2. Kết quả thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển dụng cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

- Thực hiện Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Theo đó, người dân tộc thiểu số đăng ký dự thi công chức thì được cộng điểm ưu tiên 20 điểm. Mặc dù vậy, người dân tộc thiểu số vẫn không thể cạnh tranh so với các thí sinh khác. Do đó, đề nghị Trung ương ban hành chính sách tuyển dụng công chức, viên chức không cạnh tranh vào làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp đối với sinh viên dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học ra trường để tạo điều kiện cho các em được công tác phục vụ tại địa phương.

- Thực hiện Thông tư số 02/2014/TT-BNV-UBDT ngày 01/9/2014 của Bộ Nội vụ, Ủy ban dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, có quy định “Người dân tộc thiểu số được cử đi học Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng không qua thi vào công chức, viên chức và phân công công tác theo quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”.

Tuy nhiên, đối tượng tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển tại Thông tư số 13/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ, quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ không có quy định đối tượng là người dân tộc thiểu số. Do đó, việc thực hiện tuyển dụng đối với sinh viên người dân tộc thiểu số ở tỉnh Tây Ninh không qua thi tuyển là khó thực hiện. Đề nghị Trung ương ban hành văn bản bổ sung thêm đối tượng tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển là người dân tộc thiểu số.

## **3. Tình hình thực hiện công tác bố trí, phân công công tác đối với cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

Quan điểm: việc bố trí, phân công công tác đối với cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số đảm bảo đúng vị trí việc làm, phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực sở trường cán bộ, công chức. Đối với cán bộ, công chức có trình độ đại học

thì giữ ngạch chuyên viên và phân công công việc theo trình độ chuyên môn được đào tạo.

- Chính sách ưu tiên: Thủ trưởng các cơ quan có sử dụng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số luôn quan tâm và ưu tiên sắp xếp, bố trí việc làm phù hợp trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ, công chức.

- Số lượng, cơ cấu, tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan trong hệ thống chính trị: Tổng số có 15 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia vào cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã, trong đó: cấp tỉnh: 06 trường hợp, cấp huyện: 01 trường hợp, cấp xã: 08 trường hợp và không có cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia vào cơ quan Đảng của tỉnh.

#### **4. Tình hình thực hiện công tác bầu cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái đối với cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

- Về công tác bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát để đảm bảo tại khu vực có người dân tộc thiểu số sinh sống đều có giới thiệu nhân sự là người dân tộc có uy tín, tầm ảnh hưởng lớn đối với nhân dân để tham gia ứng cử. Tuy nhiên, kết quả bầu cử không có người dân tộc thiểu số trúng cử.

- Về công tác bổ nhiệm, quy hoạch: Từ năm 2015 đến nay, có 02 trường hợp công chức người dân tộc thiểu số được bổ nhiệm Phó Trưởng phòng cấp Sở (Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư). Thực hiện Công văn số 2153-CV/BTCTU ngày 15/9/2017 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020 (năm 2017) và nhiệm kỳ 2020 – 2025 (A2), thủ trưởng các cơ quan sở, ban, ngành đều quan tâm đối với công chức là người dân tộc thiểu số. Các công chức là người dân tộc thiểu số đều được quy hoạch vào các chức danh Phó Trưởng phòng và Trưởng phòng thuộc phòng, ban chuyên môn thuộc Sở và tương đương.

- Về công tác điều động: có 01 trường hợp được điều động từ Sở Nội vụ đến Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Về luân chuyển, biệt phái đối với cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số: không có.

### **III. Chính sách tạo nguồn và phát huy đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

#### **1. Tình hình triển khai chính sách tạo nguồn cán bộ**

Thực hiện Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; từ năm 2015 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh ngưng thực hiện việc cử học sinh đi đào tạo theo diện cử tuyển của tỉnh.

Giai đoạn 2007-2014, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm đến việc tạo nguồn cán bộ là người dân tộc thiểu số để làm việc tại các cơ quan, đơn vị tại vùng có người dân thiểu số sinh sống. Trong giai đoạn này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cử 64 học sinh theo học chế độ cử tuyển (trình độ đại học: 54 trong đó có 35 trường hợp là người dân tộc thiểu số; trình độ cao đẳng là 10). Đến ngày 28/12/2018, tổng số sinh viên cử

tuyển đã tốt nghiệp ra trường là 49 trường hợp và sinh viên chưa tốt nghiệp ra trường là 15 trường hợp. Trong số 49 trường hợp, có 08 trường hợp chưa có việc làm, còn lại 41 sinh viên đã có việc làm tại tỉnh hoặc tự xin việc làm ở các tỉnh khác. Qua 09 năm thực hiện công tác cử tuyển trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định về số lượng và chất lượng.

Chính sách cử tuyển đã giúp sinh viên dân tộc thiểu số khó khăn có cơ hội học tập, tiếp thu kiến thức khoa học, kỹ thuật; được giao lưu văn hóa, tăng cường mối tình đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng sinh sống, nâng cao nhận thức để đem kiến thức của mình phục vụ xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giúp một số em tự tin trong cuộc sống và tìm được công việc có thu nhập tương đối ổn định để phụ giúp gia đình. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ năm 2015 đến năm 2021, phải thực hiện cắt giảm 10% biên chế so số lượng biên chế được giao nên hầu như không còn biên chế để bố trí. Sau khi tốt nghiệp ra trường, một số sinh viên thuộc diện hệ cử tuyển không bố trí được việc làm và không có văn bản hướng dẫn việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với các trường hợp này. Do đó, đề nghị Trung ương ban hành văn bản bổ sung thêm đối tượng xét tuyển vào công chức, viên chức không qua thi tuyển là sinh viên người dân tộc thiểu số đã được cử học theo chế độ cử tuyển.

## **2. Tình hình thực hiện chính sách thu hút sinh viên dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi về địa phương công tác**

Từ năm 2015 đến nay, tỉnh chưa thực hiện tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi về tỉnh công tác, do không có đối tượng này.

## **3. Phát huy đội ngũ cán bộ, công chức dân tộc thiểu số**

Đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số của tỉnh đều có tuổi đời còn trẻ, sinh sống trên địa bàn tỉnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng nổ nhiệt huyết trong công tác.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Về chính sách của Trung ương, Chính phủ và địa phương đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với người dân tộc thiểu số và vùng đồng bào dân tộc sinh sống. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số giúp cho tỉnh trong công tác chỉ đạo, quản lý các dân tộc thiểu số trong tình hình mới hiện nay. Đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số đã được bố trí công tác phù hợp với trình độ chuyên môn, phát huy tốt năng lực, sở trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và được bổ sung vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, trở thành công chức chủ chốt trong các cơ quan, đơn vị. Đạt được kết quả về tình hình triển khai và thực hiện chính sách dân tộc là do được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tình hình triển khai và thực hiện chính sách dân tộc của tỉnh thời gian qua nhìn chung chưa đủ sức thu hút mạnh mẽ sinh viên là người dân tộc thiểu số trẻ vào làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số của tỉnh rất ít và chưa cao. Trong thi tuyển, các sinh viên là người dân tộc thiểu số không cạnh tranh nổi so với sinh viên khác.

## **D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Kiến nghị với Bộ Chính trị: Không có**

**2. Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ: Không có**

**3. Kiến nghị với Bộ Nội vụ**

- Bổ sung thêm các quy định về ưu tiên cử cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng so với cán bộ, công chức không là người dân tộc thiểu số.

- Quy định thêm về tuyển dụng công chức, viên chức không cạnh tranh vào làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp đối với người dân tộc thiểu số.

- Bổ sung thêm đối tượng tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển là người dân tộc thiểu số.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số của UBND tỉnh Tây Ninh./.

**Nơi nhận:** 

- Ủy ban Dân tộc;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- PTVP, PVP H.Nhung;
- Lưu: VT VP ĐĐBQH,  
HĐND và UBND tỉnh.

(BC chính sách đối với cán bộ dân tộc thiểu số)Dg

6

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc



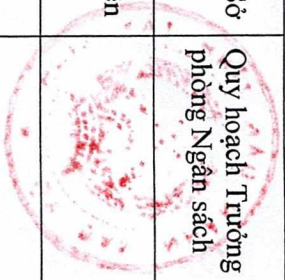
**PHỤ LỤC I**  
**Số liệu Dân tộc thiểu số tỉnh Tây Ninh năm 2018**  
(kèm theo Báo cáo số 157 /BC-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019)

| T<br>T | Tên dân<br>tộc | Hoà Thành |     | TP. Tây<br>Ninh |      | Tân Biên |      | Tân Châu |      | Dương<br>Minh<br>Châu |     | Bến Cầu |     | Châu Thành |      | Gò Dầu |      | Trảng<br>Bàng |     | Tổng cộng |      |
|--------|----------------|-----------|-----|-----------------|------|----------|------|----------|------|-----------------------|-----|---------|-----|------------|------|--------|------|---------------|-----|-----------|------|
|        |                | H         | K   | H               | K    | H        | K    | H        | K    | H                     | K   | H       | K   | H          | K    | H      | K    | H             | K   | H         | K    |
| 1      | Hoa            | 228       | 902 | 101             | 633  | 77       | 196  | 51       | 238  | 16                    | 58  | 15      | 44  | 54         | 271  | 175    | 1068 | 56            | 175 | 773       | 3585 |
| 2      | Khmer          | 69        | 358 | 469             | 1208 | 329      | 1487 | 607      | 2281 |                       |     | 16      | 47  | 599        | 2510 | 8      | 37   |               | 128 | 2097      | 8056 |
| 3      | Chăm           |           |     | 85              | 357  | 100      | 332  | 645      | 3032 |                       |     | 1       | 4   | 13         | 66   |        |      |               | 7   | 844       | 3798 |
| 4      | Tàmun          |           |     | 95              | 476  | 19       | 52   | 167      | 762  | 85                    | 313 | 1       | 1   | 3          | 8    |        |      |               |     | 370       | 1612 |
| 5      | Mường          |           |     | 2               | 2    | 6        | 247  | 35       | 143  |                       |     | 1       | 9   | 21         | 72   | 2      | 5    |               | 4   | 67        | 482  |
| 6      | Thái           |           |     | 1               | 7    | 6        | 22   | 9        | 21   |                       |     | 35      | 191 | 7          | 25   |        |      |               | 2   | 58        | 268  |
| 7      | Tây            |           |     | 1               | 3    | 5        | 16   | 33       | 138  | 7                     | 18  | 3       | 15  | 6          | 19   | 3      | 10   |               | 3   | 58        | 222  |
| 8      | Nùng           |           |     | 1               | 2    | 1        | 1    | 14       | 47   | 1                     | 1   | 1       | 4   | 6          | 18   |        |      |               | 2   | 24        | 75   |
| 9      | Ê-Đê           |           |     |                 |      |          |      | 1        | 1    |                       |     |         |     | 2          | 7    |        |      |               |     | 3         | 8    |
| 10     | Raglai         |           |     |                 |      |          |      |          |      |                       |     | 1       | 1   | 1          | 2    |        |      |               |     | 2         | 3    |
| 11     | Xinh<br>mun    |           |     |                 |      |          |      | 1        | 5    |                       |     |         |     |            |      |        |      |               |     | 1         | 5    |
| 12     | Dao            |           |     |                 |      | 1        | 5    | 2        | 2    |                       |     |         |     |            |      |        |      |               |     | 3         | 7    |
| 13     | Sán Dìu        |           |     |                 |      |          |      | 5        | 14   |                       |     |         | 1   |            |      |        |      |               |     | 5         | 15   |
| 14     | Sán<br>Chay    |           |     |                 |      |          |      | 6        | 25   |                       |     |         |     | 3          | 7    |        |      |               |     | 9         | 32   |

|    |         |     |      |     |      |     |      |      |      |     |     |    |     |     |      |     |      |    |     |      |        |
|----|---------|-----|------|-----|------|-----|------|------|------|-----|-----|----|-----|-----|------|-----|------|----|-----|------|--------|
| 15 | Thổ     |     |      |     |      |     |      | 12   | 38   | 2   | 9   |    |     |     |      |     |      | 14 | 47  |      |        |
| 16 | H'Mông  |     |      |     |      |     |      | 1    | 1    |     |     |    |     |     |      |     |      | 1  | 1   |      |        |
| 17 | Ba Na   |     |      |     |      |     |      |      |      |     |     |    |     |     |      |     |      | 0  | 0   |      |        |
| 18 | Lào     |     |      |     |      |     |      |      |      | 1   | 2   |    |     |     |      |     |      | 1  | 2   |      |        |
| 19 | Châu ro |     |      | 1   | 1    |     |      | 1    | 3    |     |     |    |     |     |      |     |      | 2  | 4   |      |        |
| 20 | Cơ - Ho |     |      |     |      |     |      | 1    | 3    |     |     |    |     | 2   | 8    |     |      | 3  | 11  |      |        |
| 21 | Thượng  |     |      |     |      |     |      |      |      |     |     |    |     | 2   | 8    |     |      | 2  | 8   |      |        |
| 22 | Mảng    |     |      |     |      |     |      |      |      |     |     |    | 1   | 5   |      |     |      | 1  | 5   |      |        |
|    | Mi An   |     |      |     |      |     |      | 1    | 1    |     |     |    |     |     |      |     |      | 1  | 1   |      |        |
|    | Ma      |     |      |     |      |     |      |      |      |     |     |    |     |     |      |     |      |    |     |      |        |
|    | Ấn      |     |      | 1   | 4    |     |      | 1    | 1    |     |     | 1  | 2   | 4   | 7    |     |      | 7  | 14  |      |        |
|    | Cộng    | 297 | 1260 | 756 | 2689 | 544 | 2358 | 1591 | 6754 | 112 | 401 | 74 | 317 | 720 | 3026 | 188 | 1120 | 56 | 321 | 4346 | 18.261 |

**PHỤ LỤC II**  
**Danh sách Công chức người dân tộc thiểu số**  
(kèm theo Báo cáo số 157 /BC-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019)

| STT      | Họ và tên                   | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ chuyên môn                        | Chức vụ, đơn vị công tác                                                      | Ghi chú                                                           | Giới tính |
|----------|-----------------------------|-----------------------|---------|----------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1        | 2                           | 3                     | 4       | 5                          | 6                                          | 7                                                                             | 8                                                                 | 9         |
| <b>I</b> | <b>CÔNG CHỨC TỈNH HUYỆN</b> |                       |         |                            |                                            |                                                                               |                                                                   |           |
| 1        | Sầm Thị Vân                 | 08/11/1990            | Thái    | Không                      | Cử nhân Hành chính                         | Chuyên viên phòng Cải cách hành chính, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | Quy hoạch Phó Giám đốc Trung tâm Hành chính công                  | Nữ        |
| 2        | Văn Hồng Du                 | 15/11/1977            | Hoa     | Trung cấp chính trị        | ĐH Điện công nghiệp                        | Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ              | Quy hoạch Phó Trưởng phòng Quản lý tiêu chuẩn chất lượng          | Nam       |
| 3        | Phạm Hồng Ngân Hà           | 13/07/1986            | Thái    | Trung cấp chính trị        | Cử nhân Hành chính                         | Phó Trưởng phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư                    | Quy hoạch Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh                         | Nữ        |
| 4        | Nguyễn Văn Hiệu             | 21/01/1962            | Mường   | Trung cấp chính trị        | Trung cấp kiểm lâm                         | Kiểm lâm viên, Chi cục kiểm lâm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn        |                                                                   | Nam       |
| 5        | Ha Na Phi                   | 13/02/1984            | Chăm    | Trung cấp chính trị        | Đại học Nông lâm, đang học Thạc sĩ Kinh tế | Kiểm lâm viên, Chi cục kiểm lâm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn        | Quy hoạch Trưởng phòng Hành chính tổng hợp thuộc chi cục kiểm lâm | Nam       |

|                  |                          |      |        |                                 |                    |                                                                 |                                                                                       |     |
|------------------|--------------------------|------|--------|---------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 6                | Lâm Huỳnh Kim Thu        | 1976 | Hoa    | Cao cấp lý<br>luận chính<br>trị | Đại học Kinh<br>tế | Phó Trưởng phòng Ngân sách, Sở<br>Tài chính                     | Quy hoạch Trưởng<br>phòng Ngân sách                                                   | Nữ  |
| 7                | MLô Y Lợi                | 1977 | Ê đê   | Không                           | Cử nhân kinh<br>tế | Chuyên viên phòng Nội vụ huyện<br>Châu Thành                    |  | Nam |
| <b>II CẤP XÃ</b> |                          |      |        |                                 |                    |                                                                 |                                                                                       |     |
| 1                | Trình Đình Ngọc          | 1966 | Mường  | Trung cấp                       | Sơ cấp             | Chủ tịch Hội cựu chiến binh, xã<br>Thanh Bắc, Tân Biên          |                                                                                       | Nam |
| 2                | Phạm Thị Phương          | 1991 | Mường  |                                 | Cao đẳng           | Bí thư Đoàn, Xã Thanh Bắc, Tân<br>Biên                          |                                                                                       | Nữ  |
| 3                | Tô Lê Hồng               | 1983 | Hoa    | Trung cấp                       | Đại học            | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân<br>xã Trí Bình, huyện Châu Thành |                                                                                       | Nữ  |
| 4                | Đinh Thị Hồng Nhung      | 1983 | Tây    | Trung cấp                       | Đại học            | Công chức Tài chính - Kế toán,<br>Xã Phước Minh, DMC            |                                                                                       | Nữ  |
| 5                | Trương Tiểu My           | 1985 | Hoa    | Sơ cấp                          | Đại học            | Công chức Tài chính - Kế toán,<br>Xã Mỏ Công huyện Tân Biên     |                                                                                       | Nữ  |
| 6                | Bùi Thị Thùy             | 1986 | Mường  | Trung cấp                       | Đại học            | Công chức VH-XH thị trấn Tân<br>Châu                            |                                                                                       | Nữ  |
| 7                | Hoàng Thị Huyền<br>Trang | 1988 | Tây    | Sơ cấp                          | Đại học            | Công chức Tài chính Kế toán xã<br>Tân Hội huyện Tân Châu        |                                                                                       | Nữ  |
| 8                | Lâm Thanh Trúc           | 1983 | Tà Mun | Trung cấp                       | Trung cấp          | Công chức địa chính xây dựng xã<br>Biên Giới huyện Châu Thành   |                                                                                       | Nam |